

SỰ TÁC ĐỘNG CỦA YẾU TỐ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐẾN CHẤT LƯỢNG CỦA MỘT CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VIỆT NAM

THS. LÊ YÊN DUNG

Ban Khoa học - Công nghệ, ĐHQGHN

Mở đầu

Trong thời đại ngày nay, khi khoa học và công nghệ đã trở thành một động lực mạnh mẽ, trực tiếp của sản xuất, kinh doanh và giữ vị trí then chốt trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân thì vai trò của hệ thống đại học ngày càng quan trọng, mang ý nghĩa tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội; và ngược lại, sự phát triển của kinh tế - xã hội sẽ thúc đẩy và tạo cơ sở vật chất cho sự phát triển hơn nữa của các trường đại học. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng giáo dục của một cơ sở đào tạo nói chung và một trường đại học nói riêng phải được coi là một chiến lược quốc gia.

Bước vào thế kỷ XXI, giáo dục đại học Việt Nam đứng trước những cơ hội mới và những thách thức mới. Những năm qua, giáo dục đại học nước ta đã và đang phát triển mạnh cả về quy mô và loại hình đào tạo. Khi quy mô đào tạo tăng nhanh mà các nguồn lực tại các cơ sở đào tạo còn hạn chế, chưa đủ khả năng đáp ứng, tất yếu sẽ không tránh khỏi những lo ngại về chất lượng đào tạo trong dư luận xã hội.

Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ 9, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn 2001 - 2010 là: *“Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục...”*

1. Chất lượng trong giáo dục đại học

Khái niệm chất lượng mang tính tương đối, rất khó định nghĩa rõ ràng, đó là một khái niệm nhiều mặt và bao trùm 3 khía cạnh: 1/ mục tiêu; 2/ quá trình triển khai để đạt mục tiêu và 3/ thành quả đạt được.

Có 6 quan điểm cơ bản về chất lượng trong giáo dục đại học đang tồn tại hiện nay, đó là:

- Chất lượng được đánh giá bằng “đầu vào”
- Chất lượng được đánh giá bằng “đầu ra”
- Chất lượng được đánh giá bằng “giá trị gia tăng”
- Chất lượng được đánh giá bằng “giá trị học thuật”
- Chất lượng được đánh giá bằng “văn hoá tổ chức riêng”
- Chất lượng được đánh giá bằng “kiểm toán”.

Hầu hết, các nhà phân tích và hoạch định chính sách giáo dục đại học, kể cả Tổ chức Đảm bảo Chất lượng Giáo dục Đại học Quốc tế chấp nhận định nghĩa: *“Chất lượng là sự trùng khớp với mục đích”*. Theo định nghĩa đó, một khóa đào tạo của một trường đại học là có chất lượng phù hợp nếu nó tuân thủ các tiêu chuẩn xác định hoặc đạt được mức độ nào đó của mục đích thiết kế. Cách tiếp cận này cho phép cung cấp một hình mẫu để xác định các tiêu chí mà một sản phẩm hay dịch vụ cần có. Đó là một khái niệm động, được phát triển theo thời gian, tùy thuộc vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và tùy thuộc vào đặc thù của từng loại trường mà có thể sử dụng để phân tích chất lượng giáo dục đại học ở các cấp độ khác nhau.

2. Đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo trong giáo dục đại học

Một câu hỏi được đặt ra: Tại sao sinh viên Việt Nam khi ra nước ngoài học tiếp ở bậc đại học thường không được trường đại học nước ngoài công nhận bằng cấp, vì vậy, sinh viên đó phải học lại rất nhiều học phần. Đó là bởi vì nhiều trường đại học trên thế giới chưa công nhận chuyển đổi văn bằng của Việt Nam. Theo qui định, văn bằng chuyển đổi phải đảm bảo 2 điều kiện: 1/ Tương đương chương trình khung (về chuẩn mục tiêu, khối lượng kiến thức, tỷ lệ các khối kiến thức) và 2/ Tương đương qui trình đào tạo và bảo đảm chất lượng (chuẩn đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo). Điều đó cho thấy,

tâm quan trọng của việc kiểm định chất lượng đào tạo trong giáo dục đại học.

Đã từ lâu, việc đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo trong giáo dục đại học ở nhiều nước phát triển trên thế giới và các nước trong khu vực trở thành việc đương nhiên. Đối với nhiều trường đại học thì việc kiểm định chất lượng đào tạo là điều kiện để tồn tại. Ở nhiều nước, công việc ấy được tiến hành dựa trên các tiêu chí chuẩn do chính các cơ quan và hiệp hội đánh giá chất lượng hoặc Bộ Giáo dục đề ra. Trong khi đó ở nước ta, việc thiết lập hệ thống đánh giá chất lượng đào tạo trong giáo dục đại học nói riêng và hệ thống giáo dục các cấp nói chung mới chỉ ở bước đầu.

Ngày 20/12/1993, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành văn bản số 2778 quy định chương trình khung. Năm 2001, Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng được thành lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, cùng với những chủ trương đã được văn bản hoá về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục đại học - Đây là dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập với giáo dục đại học của nước ta với các nước trong khu vực và trên thế giới.

3. Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng và điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo dùng cho trường đại học Việt Nam

Để hội nhập kinh tế thế giới trong xu thế toàn cầu hoá của nền kinh tế thế giới, giáo dục đại học nước ta nhất thiết phải phấn đấu vươn tới chuẩn về chương trình đào tạo, về mô hình quản lý, về chất lượng và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngang tầm với giáo dục đại học của các nước khu vực và thế giới.

Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng và điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo dùng cho trường đại học Việt Nam gồm 8 lĩnh vực với 26 tiêu chí cụ thể về: *tổ chức và quản lý, đội ngũ cán bộ, đội ngũ sinh viên, công tác giảng dạy và học tập, nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất, tài chính và một số hoạt động khác* - Đây là những lĩnh vực cơ bản có ảnh hưởng lớn đến chất lượng đào tạo của một trường đại học nói riêng, một cơ sở đào tạo của Việt Nam nói chung. Những lĩnh vực và tiêu chí đánh giá được xây dựng trên cơ sở vận dụng luận cứ khoa học,

cơ sở lý luận và những kinh nghiệm rút ra từ các công trình nghiên cứu và triển khai của thực tiễn về đánh giá và đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của các nước tiên tiến và các nước đang phát triển trên thế giới vào điều kiện thực tiễn của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, có tính đến xu thế hội nhập chung với chất lượng đào tạo của giáo dục đại học trong khu vực và trên thế giới.

4. Đánh giá tiêu chí nghiên cứu khoa học của một trường đại học Việt Nam

Trong các trường đại học nói chung, các hoạt động nghiên cứu khoa học bao gồm những nghiên cứu cơ bản nhằm mục đích đạt tới những phát minh khoa học thuần túy và những nghiên cứu ứng dụng, tạo ra những công nghệ mới để chuyển giao hoặc tạo ra những sản phẩm bán được trên thị trường. Những hoạt động này có tác động tích cực tới chất lượng của quá trình đào tạo. Do vậy, khi đánh giá chất lượng của một trường đại học, hai chức năng đào tạo - nghiên cứu khoa học thường được xem xét trong mối quan hệ qua lại với nhau. Tuy nhiên, để đánh giá chất lượng của các công trình nghiên cứu và hơn nữa, tác động của nó tới quá trình đào tạo là một việc làm khó, do vậy các nhà quản lý giáo dục đại học mặc nhiên thừa nhận sự tác động qua lại của hai hoạt động này và xem nghiên cứu khoa học là một chức năng không thể thiếu được để đảm bảo chất lượng của quá trình đào tạo.

Nghiên cứu khoa học là một trong những yêu cầu và nhiệm vụ đối với cán bộ giảng dạy trường đại học. Chính vì nhận thức vai trò quan trọng của chức năng này, bộ tiêu chí đã đưa ra 3 tiêu chí trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học: *đề tài nghiên cứu khoa học, công trình xuất bản và hoạt động khoa học phục vụ xã hội*. Từ các tiêu chí này, bộ tiêu chí còn đưa ra cụ thể đến từng chỉ số đánh giá.

Tiêu chí 18: Đề tài nghiên cứu khoa học

Chỉ số 18.1. Tỷ lệ công trình nghiên cứu khoa học/sinh viên/năm học.

Chỉ số 18.2. Tỷ lệ cán bộ giảng dạy/lượt đề tài nghiên cứu khoa học/năm học, trong đó đề tài nghiên cứu khoa học được hiểu là đề tài các cấp: cấp đơn vị, cấp Bộ, cấp Nhà nước.

- Mức đánh giá được đưa ra với các đề tài nghiên cứu khoa học là: tốt - khá- đạt - không đạt.

- Phương thức đánh giá: Đánh giá theo nhóm ngành

- Người đánh giá: Ban Giám hiệu trưởng, lãnh đạo phòng chức năng, ban chủ nhiệm khoa, chủ nhiệm bộ môn và đại diện giáo viên.

Tiêu chí 19: Công trình xuất bản

Tiêu chí này được xác định bằng tỷ lệ cán bộ giảng dạy/số lượng công trình được công bố/năm học.

- Mức đánh giá được đưa ra là: tốt - khá - đạt - không đạt.

- Phương thức đánh giá: Đánh giá theo nhóm ngành

- Người đánh giá: Ban Giám hiệu trưởng, lãnh đạo phòng chức năng, ban chủ nhiệm khoa, chủ nhiệm bộ môn và đại diện giáo viên.

Tiêu chí 20. Hoạt động khoa học phục vụ xã hội (tư vấn và chuyển giao công nghệ).

Tiêu chí này được cụ thể bằng 2 chỉ số đánh giá

Chỉ số 20.1. Số lượng các hoạt động khoa học kỹ thuật phục vụ xã hội/số lượng cán bộ cơ hữu/năm học

Chỉ số 20.1. Tổng kinh phí thu được từ các hoạt động trên.

- Mức đánh giá được đưa ra cho các chỉ số này là: tốt - khá - đạt - không đạt.

- Phương thức đánh giá: Số liệu đánh giá của tiêu chí này dùng để tham khảo bổ sung vào số liệu hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ.

- Người đánh giá: Ban Giám hiệu trưởng, lãnh đạo phòng chức năng, ban chủ nhiệm khoa, chủ nhiệm bộ môn.

5. Sự tác động của yếu tố nghiên cứu khoa học đến chất lượng của một trường đại học Việt Nam nói chung, Đại học Quốc gia Hà Nội nói riêng

Một trường đại học muốn có chất lượng cao cần phải hội tụ ba yếu tố: đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ thực tiễn. Đào tạo là chức năng đặc thù của trường đại học, nghiên cứu khoa học là sức sống, là

đặc trưng sáng tạo của trường đại học còn phục vụ thực tiễn vừa là mục đích vừa là động lực cho trường đại học phát triển.

Trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng, uy tín của một trường đại học được đánh giá tùy thuộc vào chất lượng đào tạo của trường đó. Chất lượng đào tạo là sản phẩm cuối cùng của một qui trình đào tạo bao gồm nhiều khâu, từ mục tiêu, chương trình, tổ chức đào tạo, kiểm tra đánh giá và các điều kiện thực hiện qui trình đó. Vì vậy, chất lượng đào tạo là một khái niệm động và phụ thuộc nhiều yếu tố khác nhau, trong đó có vai trò của hoạt động nghiên cứu khoa học. Nói một cách khác, nghiên cứu khoa học là một chức năng không thể thiếu và có mối quan hệ mật thiết với chức năng đào tạo của trường đại học. Việc quản lý tổ chức tốt hoạt động nghiên cứu khoa học trong trường đại học không những có tác dụng với bản thân trường đại học mà còn phát huy được hiệu quả với xã hội nói chung.

Đào tạo chất lượng cao là một trong 4 tiêu chí của ĐHQGHN. Chính vì quan niệm như vậy nên trong thời gian qua ĐHQGHN đã có những cố gắng về nhiều mặt, khắc phục những khó khăn khách quan, chủ động đẩy mạnh các hoạt động khoa học công nghệ để phát triển thành một tổ hợp đào tạo đại học, nghiên cứu và triển khai khoa học - công nghệ.

Với tiềm lực về nhân lực, vật lực, ĐHQGHN đã đạt được các kết quả lớn trong hoạt động khoa học - công nghệ: nghiên cứu cơ bản có định hướng trong khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ và kinh tế; nghiên cứu phục vụ quản lý kinh tế - xã hội; điều tra cơ bản phục vụ cho công tác qui hoạch lãnh thổ, giảm thiểu rủi ro do thiên tai, phát triển nông thôn và miền núi, điều tra nghiên cứu biển; nghiên cứu sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, phát triển và ứng dụng công nghệ cao, nghiên cứu phục vụ giáo dục và đào tạo...

Qua việc nghiên cứu khoa học, có thể nhận thấy kết quả rõ rệt của sự gắn kết đào tạo và nghiên cứu khoa học ở ĐHQGHN. Các hoạt động khoa học và công nghệ của ĐHQGHN đã phục vụ đắc lực cho việc nâng cao chất lượng đào tạo. Các đề tài nghiên cứu khoa học một mặt là động lực và phương tiện để nâng cao năng lực (nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ giảng dạy, tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị,

nguồn thông tin), mặt khác tạo ra một môi trường học tập hiệu quả cho sinh viên, nhất là sinh viên cao học và nghiên cứu sinh trong giai đoạn hoàn thành luận văn, luận án. Kết quả hỗ trợ cho công tác đào tạo đã là một trong những tiêu chí để xét chọn và đánh giá các đề tài nghiên cứu cấp ĐHQGHN (Một đề tài với mức kinh phí khoảng 300 triệu đồng phải có hỗ trợ đào tạo ít nhất 1 tiến sĩ, mức kinh phí 60 triệu đồng phải đào tạo được ít nhất 1 thạc sĩ). Việc đăng ký kết quả đào tạo trong đề cương của đề tài là một tiêu chí quan trọng để góp phần đảm bảo đề tài đó được xét chọn. Khi kết thúc thời gian thực hiện, đề tài phải đưa ra được những minh chứng của kết quả đào tạo đó như trang bìa luận văn, luận án... mới được coi là đủ điều kiện để cơ quan chủ quản ra quyết định nghiệm thu đề tài.

Theo ý kiến chủ quan, nếu áp dụng bộ tiêu chí nói trên để đánh giá ĐHQGHN trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, thì Tiêu chí 19: đề tài nghiên cứu khoa học và Tiêu chí 20: công trình xuất bản sẽ có thể dễ dàng định lượng được với tỉ lệ cao, vì ĐHQGHN là một đơn vị đào tạo nghiêng về khoa học cơ bản, mang tính hàn lâm học thuật, vì vậy số lượng các bài báo, công trình, chuyên khảo khá lớn (từ năm 1997 - 2001: trung bình mỗi năm có khoảng 120 - 140 bài báo được đăng trên các tạp chí có uy tín của ngành/quốc gia và quốc tế), nhưng Tiêu chí 20: tư vấn và chuyển giao công nghệ có thể không đạt tỷ lệ cao vì nghiên cứu phục vụ xã hội ở ĐHQGHN mới chỉ dừng ở việc kiện toàn các qui trình sản xuất thử hoặc sản xuất ở qui mô nhỏ. Một nguyên nhân khách quan của hạn chế này là thị trường cho các hoạt động khoa học - công nghệ chưa thực sự phát triển, cơ chế xã hội chưa thúc đẩy, kích thích và tạo điều kiện cho các nhà khoa học phát huy hết khả năng của mình, nhất là những người làm về khoa học cơ bản, và cũng từ nguyên nhân chủ quan là các nhà khoa học chưa chủ động tham gia vào các hoạt động khoa học công nghệ và chưa mạnh dạn thâm nhập thực tế.

ĐHQGHN đã và đang phấn đấu để trở thành "... một trung tâm đào tạo đại học và sau đại học, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, ngang tầm các đại học tiên tiến trong khu vực, tiến tới đạt trình độ quốc tế..." như lời tuyên bố về sứ mạng của mình.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (chủ biên), Lâm Quang Thiệp, Lê Việt Khuyến, Đặng Xuân Hải, 2004, “*Một số vấn đề Giáo dục học đại học*”, Nxb. ĐHQGHN.
2. Nguyễn Đức Chính (chủ biên), Nguyễn Phương Nga, Lê Đức Ngọc, Trần Hữu Hoan, John J. McDonald, 2002, “*Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học*”, Nxb. ĐHQGHN.